

LIVEWORKSHEETS – VOCABULARY PRACTICE

UNIT 1: LEISURE TIME

English 6 · Global Success · Vocabulary

Name: _____

Class: _____

Score: ____ / 20

Exercise 1. Match the words with their meanings (5 points)

Nối từ tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt tương ứng.

No.	Word	Answer
1	messaging friends	A. làm đồ thủ công
2	doing puzzles	B. nhắn tin với bạn bè
3	making crafts	C. chơi thể thao
4	playing sports	D. giải câu đố
5	surfing the net	E. lướt Internet

Exercise 2. Choose the correct answer (5 points)

Chọn đáp án đúng.

1. I enjoy _____ photos in my free time.

A. taking

B. doing

C. making

2. My brother likes _____ video games.

A. playing

B. collecting

C. surfing

3. We often _____ badminton after school.

A. do

B. play

C. make

4. Lan loves _____ books in her free time.

A. reading

B. messaging

C. doing

5. My friends are interested in _____ stickers.

A. collecting

B. playing

C. surfing

Exercise 3. Complete the sentences (5 points)

Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

Word bank: cycling · knitting · playing · watching · chatting

1. I like _____ TV with my family.

2. My sister enjoys _____ with her friends online.

3. My father loves _____ in the park.

4. My grandmother likes _____ wool clothes.

5. Nam is interested in _____ chess with his friends.

Exercise 4. Drag and drop (5 points)

Kéo các từ vào đúng câu.

Chọn từ trong danh sách cho mỗi câu (mô phỏng bài tập tương tác).

1. I love ____ comics.

Choose a word

2. We enjoy ____ photos.

Choose a word

3. He likes ____ the Internet.

Choose a word

4. They enjoy ____ puzzles.

Choose a word

5. She likes ____ crafts.

Choose a word

Check answers

Answer key

- Exercise 1: 1–B, 2–D, 3–A, 4–C, 5–E.
- Exercise 2: 1–A, 2–A, 3–B, 4–A, 5–A.
- Exercise 3: 1. watching; 2. chatting; 3. cycling; 4. knitting; 5. playing.
- Exercise 4: 1. reading; 2. taking; 3. surfing; 4. doing; 5. making.